

**THUYẾT MINH CÁC NHIỆM VỤ CHI TỪ NGUỒN KINH PHÍ KHÔNG THỰC HIỆN
TỰ CHỦ/ KINH PHÍ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHÔNG THƯỜNG XUYÊN**

DVT: đồng.

STT	TÊN NHIỆM VỤ CHI	SỐ TIỀN
I	Chi quản lý hành chính (Loại 340, khoản 341, Nguồn 12)	861,000,000
1	Văn phòng Sở	861,000,000
a	KP mua sắm, sửa chữa	78,000,000
	Chi mua sắm, sửa chữa thiết bị văn phòng	48,000,000
	Chi sửa chữa xe ô tô, thay thế thiết bị hư hỏng	30,000,000
b	KP theo nhiệm vụ được giao	783,000,000
*	KP hoạt động của tổ chức cơ sở Đảng	60,000,000
	Chi mua báo, tạp chí	10,000,000
	Chi văn phòng phẩm	4,640,000
	Chi phụ cấp cấp uỷ	45,360,000
*	KP cho CBCCC làm đầu mối KS thủ tục hành chính	16,000,000
*	KP soạn thảo văn bản QPPL (05-06 văn bản)	45,000,000
*	KP duy trì hệ thống quản lý chất lượng (ISO)	10,000,000
*	KP trang phục thanh tra	26,000,000
	01 công chức lần đầu: 7.000.000 đồng	7,000,000
	01 công chức năm 2: 5.000.000 đồng	5,000,000
	01 công chức năm 5: 7.000.000 đồng	7,000,000
	01 công chức năm 9: 7.000.000 đồng	7,000,000
*	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ CCHC	32,000,000
	- Xây dựng Clip tuyên truyền CCHC: 1 clip (3 phút trở lên) x 9.000.000 đồng	9,000,000
	- Tập huấn nghiệp vụ, tuyên truyền, trao đổi kinh nghiệm về công tác tiếp nhận, xử lý và trả kết quả hồ sơ TTHC ngành Công Thương trên địa bàn tỉnh	3,000,000
	Chi phí báo cáo viên (1.000.000đ/người/buổi x 1 buổi)	1,000,000
	Phụ cấp tiền ăn cho báo cáo viên (150.000đ/người/ngày x 1 ngày)	150,000
	Chi nước uống phục vụ lớp tập huấn (20.000đ/người/buổi x 30 người)	600,000
	Chi văn phòng phẩm và các khoản phát sinh	750,000
	Chi quản lý, tổ chức lớp tập huấn	500,000
	- Hỗ trợ số hóa hồ sơ TTHC tại bộ phận một cửa Sở Công Thương thuộc Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh	20,000,000
	Sở Công Thương tiếp kiến nghị Trung tâm phục vụ HCC tỉnh chủ trì ký hợp đồng với đơn vị cung ứng dịch vụ số hóa. Chi phí số hóa hồ sơ sẽ thanh toán theo số lượng phát sinh thực tế và đơn giá theo Hợp đồng cung cấp dịch vụ.	20,000,000
*	KP phát triển Thương Mại Biên Giới tỉnh Tây Ninh	72,000,000
	- Tổ chức Đoàn khảo sát triển khai thực hiện các quy hoạch cửa khẩu, đầu tư cơ sở hạ tầng cửa khẩu (Nhà làm việc các lực lượng, quốc môn), hạ tầng thương mại (bến bãi, cảng hàng hóa, kho hàng hóa...), hạ tầng giao thông	48,000,000
	Công tác phí	8,000,000

STT	TÊN NHIỆM VỤ CHI	SỐ TIỀN
	Thuê xe hoặc xăng xe	40,000,000
	- Phối hợp Bộ Công Thương xây dựng dự án chợ biên giới thí điểm Việt Nam-Campuchia; chợ biên giới tại các huyện, thị xã biên giới	24,000,000
	Công tác phí	4,000,000
	Thuê xe hoặc xăng xe	20,000,000
*	KP hoạt động BCD lưới điện cao áp	34,000,000
	Công tác phí	5,400,000
	Chi thuê xe hoặc xăng xe	28,600,000
*	KP đối nội - đối ngoại	45,000,000
*	KP chi hoạt động xử phạt hành chính	64,000,000
	Chi văn phòng phẩm	1,000,000
	Chi tiền công tác phí	12,000,000
	Chi thuê xe hoặc xăng xe	40,000,000
	Chi tiền làm thêm giờ	2,000,000
	Chi công tác đào tạo, tập huấn bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ	9,000,000
*	Chi phí phục vụ cho công tác thu phí, lệ phí	141,000,000
	Hậu kiểm chuyên ngành về ATTP: 2 đợt/năm:	34,300,000
	Thuê xe hoặc xăng xe	18,000,000
	Công tác phí	5,300,000
	Mua mẫu	1,000,000
	Thuê kiểm nghiệm	10,000,000
	Chi phí thẩm định cấp giấy phép và các chi phí khác:	106,700,000
	Thuê xe hoặc xăng xe	30,000,000
	Chi công tác phí	25,000,000
	Chi dịch vụ công cộng (điện, nước,...)	18,000,000
	Chi mua văn phòng phẩm, vật tư mau hỏng rẻ tiền	24,000,000
	Chi thông tin, tuyên truyền liên lạc (cước phí điện thoại và cước phí bưu chính)	6,000,000
	Chi cước thu hộ phí thẩm định	3,600,000
	Chi mua biên lai ấn chỉ	100,000
*	KP kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm	128,000,000
	Thuê xe hoặc xăng xe	50,000,000
	Công tác phí	30,000,000
	Mua mẫu kiểm nghiệm	7,000,000
	Thuê phân tích, kiểm nghiệm	35,000,000
	Thu hồi và tiêu huỷ sản phẩm	6,000,000
*	KP ngày hội mít tinh bảo vệ người tiêu dùng	18,000,000
	* Phối hợp với Trung tâm văn hoá tỉnh tổ chức Lễ Mítting "Ngày quyền của người tiêu dùng Việt Nam năm 2024"	14,008,000
	1. Xe loa cổ động :	800,000
	- Dầu xe loa cổ động	300,000
	- Pa nô khẩu hiệu bên hông xe	500,000
	2. Lễ ra quân, diễu hành:	13,208,000
	- Phong chính sân khấu lễ: (khung sắt, in căng hilex, nẹp nhôm)	7,000,000
	- Băng ron cổng chính, phụ (in hilex, công treo)	748,000

STT	TÊN NHIỆM VỤ CHI	SỐ TIỀN
	- Bàn đại biểu (khăn trải bàn, bấm ren): 08 cái x 150.000 đ/cái	1,200,000
	- Ghế ngồi đại biểu: 20 cái x 40.000 đ/cái	800,000
	- In bạt Hiflex bảng tên các đơn vị tham dự lễ, căng trên bảng có chân trụ: kích thước bảng (rộng, dài, cao) 0,4m x 0,6m x 1,2m: 10 bảng x 35.000 đ/bảng	350,000
	- Nước uống cho đại biểu dự lễ : 02 thùng x 100.000đ/thùng	200,000
	-Soạn kịch bản và dẫn chương trình tại buổi Mít tinh; soạn lời dẫn phát thanh tuần hành trên các tuyến đường, thu đĩa CD	1,400,000
	- Thuê người hỗ trợ âm thanh 01 người x 150.000 đ/buổi/người	150,000
	- Thuê nhân công vận chuyển, lắp ráp, tháo dỡ âm thanh: 02 người x 150.000 đ/lần/người	300,000
	- Khoán giữ xe	600,000
	- Thuê nhân công vệ sinh khu vực tổ chức lễ trước, trong và sau khi tổ chức: 02 người x 150.000 đồng/buổi.	300,000
	- Bồi dưỡng lực lượng phục vụ, phụ trách, điều động điều hành: 02 người x 80.000 đồng/lần/người.	160,000
	* Chi hỗ trợ bồi dưỡng lực lượng tham gia điều hành:	3,992,000
	133 người x 30.000 đ/người	3,992,000
*	KP hỗ trợ bình ổn thị trường	28,000,000
	Thuê xe hoặc xăng xe	12,000,000
	Công tác phí	8,340,000
	Tổ chức hội nghị tổng kết, văn phòng phẩm, in tài liệu	7,660,000
*	Kinh phí đổi mới phương thức kinh doanh tiêu thụ nông sản	45,000,000
	Chi mua bản tin, thông tin tình hình xuất nhập khẩu các mặt hàng nông sản từ Trung tâm thông tin Công nghiệp - Thương mại thuộc Bộ Công Thương	45,000,000
*	Kinh phí kiểm tra chấm điểm siêu thị, trung tâm thương mại	8,000,000
	Thuê xe hoặc xăng xe	4,500,000
	Công tác phí	3,500,000
*	Kinh phí thực hiện công tác kiểm tra, xử lý, rà soát, hệ thống hóa VBQPPL năm 2024	11,000,000
	- Chi cho các thành viên tham gia họp	850,000
	- Chi soạn thảo, viết báo cáo kết quả kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản: 1 báo cáo x 5.600.000đ	5,600,000
	- Chi kiểm tra văn bản quy định tại khoản 2 Điều 106 của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP	1,200,000
	+ Trường hợp kiểm tra văn bản mà không phát hiện dấu hiệu trái pháp luật: 4 văn bản x 200.000 đ	800,000
	+ Trường hợp kiểm tra văn bản mà phát hiện dấu hiệu trái pháp luật: 1 văn bản x 400.000đ	400,000
	- Chi rà soát văn bản theo chuyên đề, lĩnh vực, địa bàn; rà soát, hệ thống hóa văn bản để thực hiện hệ thống hóa văn bản định kỳ (5 năm); rà soát văn bản khi thực hiện tổng rà soát hệ thống văn bản: 5 văn bản x 150.000đ	750,000

STT	TÊN NHIỆM VỤ CHI	SỐ TIỀN
	- Chi kiểm tra lại kết quả hệ thống hóa văn bản theo quy định tại khoản 3 Điều 169 của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP: 1 văn bản x 120.000 đ	120,000
	- Chi rà soát, xác định văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn đang có hiệu lực tại thời điểm kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản để cập nhật, lập hệ cơ sở dữ liệu, làm cơ sở pháp lý phục vụ công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản: 1 văn bản x 120.000đ	120,000
	- Chi phí phát sinh khác (nếu có)	2,360,000
II.	Chi sự nghiệp kinh tế - Sự nghiệp kinh tế khác	8,437,000,000
1	Văn phòng Sở (Loại 280, khoản 321, nguồn 12)	157,000,000
	Kinh phí xây dựng mô hình điểm bán hàng Việt Nam (2 điểm)	157,000,000
	a. Khảo sát địa điểm tổ chức Điểm bán hàng Việt, kiểm tra tiến độ, nghiệm thu sau khi hoàn thành	18,000,000
	Chi phí thuê xe hoặc xăng xe	12,800,000
	Công tác phí	5,200,000
	b. Hỗ trợ trang trí, trang thiết bị Điểm bán hàng Việt	101,200,000
	1. Hỗ trợ kê, tủ, giá, ... trưng bày tại điểm bán hàng	94,000,000
	Kệ trưng bày: 5.000.000 đồng x 5 cái x 2 điểm	50,000,000
	Tủ trưng bày: 7.000.000 đồng x 1 cái x 2 điểm	14,000,000
	Giá trưng bày: 5.000.000 đồng x 3 cái x 2 điểm	30,000,000
	2. Biển hiệu gian hàng, hộp đèn: 1.200.000 x 3 cái x 2 điểm	7,200,000
	c. Tuyên truyền, quảng bá về điểm bán hàng Việt trên các phương tiện truyền thông (truyền hình, báo, website ...)	28,000,000
	Chi tuyên truyền, đưa tin qua báo: 4.000.000 đồng/điểm x 2 điểm	8,000,000
	Phóng sự trên sóng truyền hình của Đài phát thanh và Truyền hình Tây Ninh: 10.000.000 đồng/điểm x 2 điểm	20,000,000
	d. Tổ chức hội nghị giới thiệu điểm bán hàng Việt	9,800,000
	Thuê hội trường, trang thiết bị,....	6,200,000
	In, đóng quyển tài liệu	1,200,000
	Chi nước uống và ăn giữa buổi: 20.000 đồng x 120 người	2,400,000
2	Trung tâm Khuyến công và Xúc tiến thương mại	8,280,000,000
	- Kinh phí khuyến công địa phương (Loại 280, khoản 309, nguồn 12)	4,491,000,000
	- Kinh phí phát triển công nghiệp hỗ trợ (Loại 280, khoản 309, nguồn 12)	429,000,000
	- Kinh phí Phát triển thương mại điện tử (Loại 280, khoản 321, nguồn 12)	215,000,000
	- Kinh phí xúc tiến thương mại (Loại 280, khoản 321, nguồn 12)	3,145,000,000
III.	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường (Văn phòng Sở)	450,000,000
	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ (Loại 250, khoản 278)	450,000,000
	- Kinh phí chi thực hiện các nhiệm vụ môi trường được cơ quan chuyên môn phê duyệt kế hoạch	450,000,000

STT	TÊN NHIỆM VỤ CHI	SỐ TIỀN
IV.	Chi sự nghiệp đào tạo (Văn phòng Sở)	79,000,000
	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ (Loại 070, khoản 083)	79,000,000
	<i>- Kinh phí Tổ chức các lớp tập huấn phổ biến tuyên truyền kiến thức Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng; phòng vệ thương mại; quản lý hoạt động kinh doanh theo phương thức đa cấp</i>	<i>79,000,000</i>
	Thuê hội trường (03 lớp)	21,000,000
	Phòng nền Hội trường (03 lớp)	3,820,000
	Băng rol chào mừng (03 lớp)	2,880,000
	Nước uống (03 lớp)	9,000,000
	In ấn tài liệu (03 lớp)	9,000,000
	Văn phòng phẩm (03 lớp)	6,000,000
	Chi phí thuê giảng viên (03 lớp)	12,000,000
	Phòng nghỉ cho giảng viên (03 lớp)	2,400,000
	Thuê xe đưa rước giảng viên (03 lớp)	10,800,000
	Chi phí khác (Bồi dưỡng cho BTC lớp tập huấn phục vụ lớp học, làm ngoài giờ...) (03 lớp)	2,100,000
V.	Chi chương trình mục tiêu quốc gia (Văn phòng Sở)	43,000,000
	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ (Loại 340, khoản 341)	43,000,000
1	Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình.	10,000,000
2	Đẩy mạnh, đa dạng hình thức thông tin, truyền thông; triển khai phong trào “Cả nước thi đua xây dựng nông thôn mới”.	33,000,000